

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07-3-2022

*Về việc “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Hòa

2. Bà Lê Thị Kiều Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bạch Hoàng Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 696/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 169/2021/TB-TA ngày 28/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 196/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2021; Thông báo về việc hoãn phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/TB-TA ngày 10/8/2021 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 11/TB-TA ngày 16/02/2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng Thu N, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Khu phố E, phường T, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Khu phố C, phường T, Tp P, tỉnh Bình Thuận..

Tại phiên tòa có mặt bà N, vắng mặt ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Thu N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và anh Nguyễn Quang H chung sống với nhau vào năm 2006. Đến ngày 07/10/2008 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường Thanh Hải, Tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng càng về sau do không còn hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, thậm chí ông H còn đánh bà N và phá đồ đạc trong nhà. Do không thể tiếp tục sống chung nên từ năm 2017 cho đến nay ông bà không còn chung sống với nhau, trong khoảng thời gian này ông bà không còn liên hệ, quan tâm đến nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà N khai giữa bà và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Yến T, sinh ngày 12/02/2007 và Nguyễn Hoàng Nhật Kh, sinh ngày 09/8/2008. Tại đơn khởi kiện bà N đồng ý giao hai con chung cho ông H nuôi; Tại bản tự khai bà N yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa bà N đồng ý giao cả hai con cho ông H nuôi; Bà N đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con thành Nền; còn nếu tòa giao hai con cho bà nuôi thì bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Quang H đã được Tòa án triệu tập cũng như tổng đạt nhiều lần các văn bản tố tụng nhưng ông H cũng không đến Tòa án và cũng không trình bày ý kiến của mình.

Vụ án không hòa giải được do ông H không đến tòa.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn chấp hành chưa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng Thu N được ly hôn với ông Nguyễn Quang H; Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Yến T, sinh ngày 12/02/2007 và Nguyễn Hoàng Nhật Kh, sinh ngày 09/8/2008; Giao 02 con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Do bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xét; Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Hồng Thu N yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Quang H và yêu cầu giải quyết về nuôi con. Bị đơn ông Nguyễn Quang H cư trú tại Khu phố C, phường T, Tp P, tỉnh Bình

Thuận. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Quang H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vắng mặt ông H.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng Thu N và ông Nguyễn Quang H có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thanh Hải, Tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận vào ngày 07/10/2008 theo Trích lục kết hôn số 58/TLKH-BS ngày 18/02/2020 nên quan hệ hôn nhân của ông H và bà N là hợp pháp.

Tại phiên tòa bà N cho rằng: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng càng về sau do không còn hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, thậm chí ông H còn đánh bà N và phá đồ đạc trong nhà. Do không thể tiếp tục sống chung nên từ năm 2017 cho đến nay ông bà không còn chung sống với nhau, trong khoảng thời gian này ông bà không còn liên hệ, quan tâm đến nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Theo khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình*”; Khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*”; Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau*” và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*”.

Từ quy định được viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà N và ông H không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình và cũng không còn giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau; Dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau nên đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định Điều 19 và Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay ông H vẫn không có mặt chứng tỏ ông đã khước từ quyền tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Từ những nhận định trên, cho thấy yêu cầu ly hôn của bà N là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật và đã thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà N khai giữa bà và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Yến T, sinh ngày 12/02/2007 và Nguyễn Hoàng Nhật Kh, sinh ngày 09/8/2008. Tại phiên tòa bà N đồng ý giao cả hai con cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Bà N đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con thành Nền; còn nếu tòa giao hai con cho bà nuôi thì bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao cháu Tr, cháu Kh cho ông H hay bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trên cơ sở phải đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu; mặc dù bà N đồng ý giao cả hai con cho ông H nuôi nhưng ông H không có ý kiến gì về việc nuôi con; trong khi tại Biên bản lấy lời khai cháu Tr và cháu Kh có nguyện vọng được sống chung với bà N. Vì vậy Hội đồng xét xử giao cháu Tr và cháu Kh cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các cháu.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Hồng Thu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp Phan Thiết tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 21, 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng Thu N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng Thu N được ly hôn với ông Nguyễn Quang H.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Yến T, sinh ngày 12/02/2007 và Nguyễn Hoàng Nhật Kh, sinh ngày 09/8/2008. Sau khi ly hôn, giao cháu Tr và cháu Kh cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà Nguyễn Hồng Thu N và ông Nguyễn Quang H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Hồng Thu N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Ngày 23/12/2020 bà N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008309 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết nay chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Hồng Thu N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Nguyễn Quang H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Ném yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND Tp Phan Thiết;
- Chi cục THADS Tp Phan Thiết;
- Cơ quan đã thực hiện việc ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Văn Hoàng